

Bản án số: 104/2024/DS-PT
Ngày: 13-6-2024
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Văn Hà.

Các Thẩm phán: Ông Võ Công Phương

Ông Nguyễn Thanh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Cường là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2024/TLPT-DS ngày 22 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Tây Sơn bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 87/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1937; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn K, sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Thị Thúy L1, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

3. Chị Nguyễn Thị Kim L2, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

4. Chị Nguyễn Thị Phong L3, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

5. Chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định (vắng mặt).
6. Chị Nguyễn Thị Bích S, sinh năm 1990; địa chỉ: Đường Đ, tổ B, khu phố P, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).
7. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1935; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định (vắng mặt).
8. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định (vắng mặt).
9. Ông Trịnh Văn H1, sinh năm 1950; địa chỉ: Số nhà F đường H, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định (vắng mặt).
10. Bà Trịnh Thị Đ, sinh năm 1955; địa chỉ: Đường L, khối P, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định (vắng mặt).
11. Ông Trịnh Văn T1, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định (vắng mặt).
12. Ông Trịnh Văn T2, sinh năm 1965; địa chỉ: Khối P, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định (vắng mặt).
13. Bà Trịnh Thị S1, sinh năm 1967; địa chỉ: Số nhà E P, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định (vắng mặt).
14. Bà Trịnh Thị S2, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định (vắng mặt).
15. Ông Trịnh Văn L4, sinh năm 1971; địa chỉ: Số nhà B Q, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định (vắng mặt).
16. Bà Nguyễn Thị Thúy V, sinh năm 1949; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định (vắng mặt).
17. Chị Trịnh Thị C1, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định (vắng mặt).
18. Anh Trịnh Văn K1, sinh năm 1971; địa chỉ: Số nhà A P, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định (vắng mặt).
19. Anh Trịnh Văn T3, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định (vắng mặt).
20. Chị Trịnh Thị T4, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định (vắng mặt).
21. Chị Trịnh Thị T5, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định (vắng mặt).
22. Anh Dương Chí T6, sinh năm 1979; địa chỉ: Số nhà A P, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định (vắng mặt).
23. Anh Dương Chí T7, sinh năm 1984; địa chỉ: Số nhà C Q, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định (vắng mặt).
24. Chị Dương Thanh T8, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn D, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định (vắng mặt).
25. Anh Dương Chí T9, sinh năm 1994; địa chỉ: Số nhà C Q, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn H là nguyên đơn.

- Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Cha của ông là Nguyễn Đ1 có 02 người vợ: Người vợ đầu tên Đặng Thị L5 (chết năm 1940). Cha ông và bà L5 có tất cả 03 người con là Nguyễn Thị Đ2 (đã chết năm 2018), Nguyễn Thị M và Nguyễn Văn H (tức là ông). Người vợ thứ 02 tên: Hồ Thị V1 (chết năm 1956). Cha ông và bà V1 có 02 người con tên: Nguyễn Thị T và Nguyễn K đều ở Xóm C, P, T, T, Bình Định. Cha của ông chết vào ngày 29/11/1997 để lại tài sản: Thửa đất số 585^B, tờ bản đồ số 12, diện tích 1410m² (trong đó đất ở 200m², đất vườn 1210m²). Thửa đất này cấp cho hộ Nguyễn Đ1 vào ngày 10/11/1997, hiện ông Nguyễn K quản lý, ông thống nhất như biên bản Tòa án thành lập Hội đồng xem xét, định giá tài sản ngày 29/11/2022, không yêu cầu định giá lại. Ông yêu cầu tài sản cha của ông để lại được chia 06 phần bằng nhau, những người đồng thừa kế mỗi người 01 phần, riêng ông được 02 phần: 01 phần cho ông và 01 phần ông dùng để hương hỏa, thờ cúng ông bà, cha mẹ.

Bị đơn ông Nguyễn K trình bày:

Ông thống nhất cha ông là Nguyễn Đ1 có 02 người vợ và các người con như ông Nguyễn Văn H đã trình bày. Riêng thửa đất số 585^B, tờ bản đồ số 12, diện tích 1410m² (trong đó đất ở 200m², đất vườn 1210m²) cấp cho hộ Nguyễn Đ1 vào ngày 10/11/1997 hiện nay ông đang quản lý, sử dụng, lúc cấp cho hộ thì không có tên ông Nguyễn Văn H. Tại thời điểm cấp đất hộ ông Nguyễn Đ1 gồm tất cả 08 người, cụ thể:

- + Nguyễn Đ1 (cha của ông);
- + Nguyễn K (tức là ông);
- + Nguyễn Thị L (vợ của ông);
- + 05 người con của vợ chồng ông: Nguyễn Thị Thúy L1, Nguyễn Thị Kim L2, Nguyễn Thị Phong L3, Nguyễn Thị Kim C và Nguyễn Thị Bích S.

Trong diện tích đất nêu trên, vợ chồng ông có xây dựng nhà ở, vật kiến trúc khác và trồng cây và hiện vợ chồng ông quản lý sử dụng. Tài sản tranh chấp, ông thống nhất giá trị như biên bản Tòa án đã thành lập Hội đồng định giá vào ngày 29/11/2022, không yêu cầu định giá lại.

Việc Nguyễn Văn H yêu cầu chia thừa kế phần tài sản của cha ông cũng là cha ông H thì ông đồng ý nhưng ông được 02 phần: 01 phần hưởng thừa kế; 01 phần do công sức giữ gìn, cải tạo đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà là vợ ông Nguyễn K. Bà thống nhất lời khai và yêu cầu của chồng bà trình bày ở trên.

2. Chị Nguyễn Thị Phong L3 trình bày: Chị là con ruột của ông Nguyễn K và bà Nguyễn Thị L. Chị thống nhất lời khai và yêu cầu của cha của chị đã trình bày ở trên.

3. Các chị Nguyễn Thị Thúy L1, Nguyễn Thị Kim L2, Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Thị Bích S thống nhất trình bày: Các chị là con ruột của ông Nguyễn K và bà Nguyễn Thị L. Còn ông Nguyễn Đ1 là ông nội của các chị. Việc ông Nguyễn Văn H yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất số 585^B, tờ bản đồ số 12, diện tích 1410m²

(trong đó đất ở 200m², đất vườn 1210m²), thì các chị không đồng ý. Các chị thống nhất theo yêu cầu của cha các chị trình bày. Các chị thống nhất việc Tòa án thành lập Hội đồng định giá tài sản tranh chấp vào ngày 29/11/2022, không yêu cầu định giá lại.

4. Bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà là chị ruột ông Nguyễn Văn H (cùng cha mẹ) và chị Nguyễn K (cùng cha, khác mẹ). Tài sản mà cha của bà tên Nguyễn Đ1 để lại thì bà không nhận phần hưởng thừa kế, các ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn K tự giải quyết với nhau. Bà từ chối nhận thừa kế tài sản nên việc Tòa án thành lập Hội đồng định giá tài sản tranh chấp vào ngày 29/11/2022 thì bà không yêu cầu định giá lại.

5. Bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà là chị ruột bị đơn Nguyễn K. Bà thống nhất lời khai em bà tên Nguyễn K đã trình bày. Di sản cha của bà tên Nguyễn Đ1 để lại thì bà không nhận phần hưởng thừa kế, các ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn K tự giải quyết với nhau. Bà từ chối nhận thừa kế tài sản nên việc Tòa án thành lập Hội đồng định giá tài sản tranh chấp vào ngày 29/11/2022 thì bà không yêu cầu định giá lại.

6. Các ông Trịnh Văn H1, bà Trịnh Thị Đ, ông Trịnh Văn T1, ông Trịnh Văn T2, bà Trịnh Thị S1, bà Trịnh Thị S2 và ông Trịnh Văn L4 thống nhất trình bày: Ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn K là cậu ruột các ông, bà. Ông H và ông K tranh chấp với nhau hưởng thừa kế về tài sản do ông ngoại của các ông, bà để lại thì giữa ông H và ông K tự giải quyết với nhau chứ các ông, bà không hưởng thừa kế tài sản. Các ông, bà từ chối nhận thừa kế tài sản nên việc Tòa án thành lập Hội đồng định giá tài sản tranh chấp vào ngày 29/11/2022 thì không yêu cầu định giá lại.

7. Bà Nguyễn Thị Thúy V trình bày: Chồng của bà tên Trịnh Văn T10, sinh năm 1949 và đã chết vào ngày 30/4/2021. Mẹ chồng của bà tên Nguyễn Thị Đ2 và đã chết vào năm 2018. Vợ chồng bà có 05 con chung (không có con riêng, con nuôi): Trịnh Thị C1, sinh năm 1969 (địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định); Trịnh Văn K1, sinh năm 1971 (địa chỉ: Số nhà A P, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định); Trịnh Văn T3, sinh năm 1973; (địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định); Trịnh Thị T4, sinh năm 1977 (địa chỉ: H, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định); Trịnh Thị T5, sinh năm 1982 (địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định).

Ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn K tranh chấp với nhau hưởng thừa kế về tài sản do ông ngoại chồng của bà để lại, mẹ chồng của bà và chồng của bà đã chết thì giữa ông H và ông K tự giải quyết với nhau trong việc hưởng thừa kế chứ bà không hưởng, từ chối hưởng thừa kế nếu được hưởng. Bà từ chối nhận thừa kế tài sản nên việc Tòa án thành lập Hội đồng định giá tài sản tranh chấp vào ngày 29/11/2022 thì bà không yêu cầu định giá lại.

8. Chị Trịnh Thị C1, anh Trịnh Văn K1, anh Trịnh Văn T3, chị Trịnh Thị T4, chị Trịnh Thị T5 trình bày: Cha mẹ của các anh các chị tên Trịnh Văn T10, sinh năm 1949 và đã chết vào ngày 30/4/2021. Cha của các anh, chị là con của bà Nguyễn Thị Đ2 (đã chết vào năm 2018). Ông Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản đối với diện tích đất 1.442 m² tại số thửa 86, số tờ bản đồ 14 tọa lạc tại thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định (Tài sản này hiện ông Nguyễn K quản lý sử dụng). Ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn K là ông của các anh, chị. Ông H và ông K tranh chấp với nhau hưởng thừa kế về tài sản, bà nội và cha của các anh, chị đã chết thì

giữa ông **H** và ông **K** tự giải quyết với nhau chứ các anh, chị không hưởng. Các anh, chị từ chối hưởng thừa kế nếu được hưởng nên không yêu cầu định giá lại tài sản mà Tòa án thành lập Hội đồng định giá tài sản tranh chấp vào ngày 29/11/2022.

9. Anh **Dương Chí T6**, anh **Dương Chí T7**, chị **Dương Thanh T8**, anh **Dương Chí T9** trình bày: Cha mẹ của các anh, chị tên **Dương Hùng C2**, sinh năm 1952 – **Trình Thị S3**, sinh năm 1957; địa chỉ: **Số nhà C đường Q, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định**. Cha mẹ của các anh, chị không có con riêng. Mẹ của các anh, chị đã chết vào ngày 03/3/2018. Việc ông **Nguyễn Văn H** khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản đối với diện tích đất 1.442 m² tại số thửa 86, số tờ bản đồ 14 tọa lạc tại **thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định** (Tài sản này hiện ông **Nguyễn K** quản lý sử dụng). Ông **H** và ông **K** tranh chấp với nhau hưởng thừa kế về tài sản do ông cố ngoại của các anh, chị để lại thì giữa ông **H** và ông **K** tự giải quyết với nhau chứ các anh, chị không hưởng. Các anh, chị từ chối hưởng thừa kế nếu được hưởng nên không yêu cầu định giá lại tài sản mà Tòa án thành lập Hội đồng định giá tài sản tranh chấp vào ngày 29/11/2022.

Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn quyết định:

1. Buộc ông **Nguyễn K** có nghĩa vụ giao cho ông **Nguyễn Văn H** số tiền 10.821.875 (Mười triệu tám trăm hai mươi một ngàn tám trăm bảy mươi lăm) đồng về phần ông **H** được hưởng thừa kế tài sản cụ **Nguyễn Đ1**.

2. Ông **Nguyễn K** có nghĩa vụ quản lý phân hưởng thừa kế của bà **Nguyễn Thị Đ2** số tiền 10.821.875 (Mười triệu tám trăm hai mươi một ngàn tám trăm bảy mươi lăm) đồng để giải quyết cho những người được hưởng thừa kế thế vị bà **Đ2**.

Bà **Trình Thị Đ**, ông **Trình Văn T1**, ông **Trình Văn T2**, bà **Trình Thị S1**, bà **Trình Thị S2** (con bà **Nguyễn Thị Đ2**); anh **Dương Chí T6**, anh **Dương Chí T7**, chị **Dương Thanh T8**, anh **Dương Chí T9** (con bà **Trình Thị S3**, là cháu ngoại bà **Đ2**) với ông **Nguyễn K** tự thỏa thuận giải quyết kỹ phần thừa kế của bà **Đ2** với số tiền 10.821.875 đồng nêu trên, nếu giải quyết không được thì Tòa án giải quyết khi có yêu cầu khởi kiện.

3. Miễn xét đối với những người sau, vì từ chối nhận thừa kế tài sản: Bà **Nguyễn Thị M**, bà **Nguyễn Thị T** (con cụ **Đ1**); ông **Trình Văn H1**, ông **Trình Văn L4** (con của bà **Nguyễn Thị Đ2** đã chết. Bà **Đ2** là con của cụ **Đ1**); bà **Nguyễn Thị Thúy V** (vợ ông **Trình Văn T10** đã chết, là dâu bà **Nguyễn Thị Đ2**); chị **Trình Thị C1**, anh **Trình Văn K1**, anh **Trình Văn T3**, chị **Trình Thị T4**, chị **Trình Thị T5** (con ông **Trình Văn T10** đã chết, là cháu nội bà **Nguyễn Thị Đ2**).

4. Không chấp nhận yêu cầu của ông **Nguyễn Văn H** về việc được nhận 02 kỹ phần thừa kế của cụ **Nguyễn Đ1**, vì không phù hợp với pháp.

5. Diện tích 1.442m² đất (Trong đó: 200m² đất ở, đất vườn 1.242m²) tại số thửa 86, số tờ bản đồ 14 (Số cũ: diện tích 1.410m², số thửa 585^B, số tờ bản đồ 12) địa chỉ: **Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định**: Vợ chồng ông bà **Nguyễn K** - **Nguyễn Thị L** trọn quyền sử dụng diện tích đất ở và trọn quyền sở hữu tài sản có trên đất ở và đất vườn. Diện tích đất vườn thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông bà **Nguyễn K**

- Nguyễn Thị L và các chị Nguyễn Thị Thúy L1, Nguyễn Thị Kim L2, Nguyễn Thị Phong L3, Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Thị Bích S.

Toàn bộ tài sản nêu trên hiện vợ chồng ông bà Nguyễn K - Nguyễn Thị L quản lý. Vợ chồng ông bà K - L và các chị L1, L2, L3, C, S tự thỏa thuận về sử dụng đối với diện tích đất vườn, nếu không thỏa thuận được thì Tòa án giải quyết khi có yêu cầu khởi kiện.

(Đất có sơ đồ kèm theo).

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định về chi phí định giá tài sản, về án phí dân sự, về quyền kháng cáo và về quyền, nghĩa vụ thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 24/01/2024 nguyên đơn ông Nguyễn Văn H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo đúng pháp luật cho ông được nhận phần thừa kế của mình phần của bà Nguyễn Thị Đ2 và bà Nguyễn Thị M bằng hiện vật để ông có nơi ở và làm nơi thờ cúng cha mẹ.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 24/QĐ-VKS-DS kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn với nội dung:

1. Kháng nghị một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn phần: Xác định sai di sản thừa kế.

2. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng sửa Bản án sơ thẩm: Di sản của cụ Nguyễn Đ1 để lại là 200m² đất ở và 155,25m² đất vườn (là 1/8 x 1.242m² đất vườn) tại thửa đất số 585B, tờ bản đồ số 12 (mới là thửa đất số 86, tờ bản đồ số 14) có giá trị 83.287.500 đồng, một kỷ phần thừa kế là 20.821.875 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn. Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, sửa Bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn K và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị Thúy L1, chị Nguyễn Thị Kim L2, chị Nguyễn Thị Phong L3, chị Nguyễn Thị Kim C, chị Nguyễn Thị Bích S, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị T, ông Trịnh Văn H1, bà Trịnh Thị Đ, ông Trịnh Văn T1, ông Trịnh Văn T2, bà Trịnh Thị S1, bà Trịnh Thị S2, ông Trịnh Văn L4, bà Nguyễn Thị Thúy V, chị Trịnh Thị C1, anh Trịnh Văn K1, anh Trịnh Văn T3, chị Trịnh Thị T4, chị Trịnh Thị T5, anh Dương Chí T6, anh Dương Chí T7, chị Dương Thanh T8, anh Dương Chí T9 đã được triệu tập hợp lệ

lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét nội dung kháng cáo của **Nguyễn Văn H** và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn, HĐXX thấy rằng:

[2.1] Hàng thừa kế: Cụ **Nguyễn Đ1** (chết ngày 29/11/1997), cụ **Đặng Thị L5** (chết năm 1940), có 03 người con chung gồm:

- Bà **Nguyễn Thị Đ2** (chết ngày 04/3/2018), bà **Đ2** có chồng là ông **Trình O** (chết ngày 28/6/2019), bà **Đ2** ông **O** có 09 người con chung: Ông **Trình Văn H1**, bà **Trình Thị Đ**, ông **Trình Văn T1**, ông **Trình Văn T2**, bà **Trình Thị S1**, bà **Trình Thị S2**, ông **Trình Văn L4**, ông **Trình Văn T10** (chết ngày 30/4/2021, có vợ là bà **Nguyễn Thị Thúy V** và 05 người con là: Bà **Trình Thị C1**, ông **Trình Văn K1**, ông **Trình Văn T3**, bà **Trình Thị T4**, bà **Trình Thị T5**), bà **Trình Thị S3** (chết ngày 03/3/2018, có chồng là ông **Dương Hùng C2**, có 4 người con là anh **Dương Chí T6**, **Dương Chí T7**, **Dương Thanh T8**, **Dương Chí T9**).

- Bà **Nguyễn Thị M**.
- Ông **Nguyễn Văn H**.

Sau khi cụ **L5** chết, cụ **Đ1** có vợ thứ hai là cụ **Hồ Thị V1** (chết ngày 12.12.1956), có 02 người con chung gồm:

- Bà **Nguyễn Thị T**.
- Ông **Nguyễn K**.

Cụ **Nguyễn Đ1**, **Đặng Thị L5**, **Hồ Thị V1** chết không để lại di chúc nên di sản của các cụ được chia thừa kế cho hàng thừa kế thứ nhất theo quy định của pháp luật.

[2.2] Di sản thừa kế: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có căn cứ xác định nguồn gốc nhà, đất thuộc thửa đất số 86 (cũ là thửa số 585B), số tờ bản đồ 14 (cũ tờ bản đồ số 12) diện tích 1.442m² (trong đó có 200m² đất ở, 1.242m² đất vườn) tại **thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định** thuộc quyền quản lý, sử dụng của hộ gia đình cụ **Nguyễn Đ1**.

Quá trình quản lý, sử dụng dụng hộ gia đình cụ **Đ1** được nhà nước cân đối giao quyền sử dụng theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số 00842/HQSDD/H12 ngày 10/11/1997. Tại thời điểm xét giao đất, hộ của cụ **Nguyễn Đ1** có 08 nhân khẩu: Cụ **Nguyễn Đ1**, ông **Nguyễn K**, bà **Nguyễn Thị L** (vợ ông K) và các chị **Nguyễn Thị Thúy L1**, **Nguyễn Thị Kim L2**, **Nguyễn Thị Phong L3**, **Nguyễn Thị Kim C** và **Nguyễn Thị Bích S** (đều là con của vợ chồng ông bà **Nguyễn K - Nguyễn Thị L**).

Năm 1990 vợ chồng ông **K** bà **L** xây dựng lại nhà trên thửa đất số 86 số tờ bản đồ 14. Đến năm 2000, vợ chồng ông **K** bà **L** xây dựng các vật kiến trúc khác và trồng một số cây trên đất.

Như vậy, di sản của cụ **Đ1** để lại là 200m² đất ở và 155,25m² đất vườn thuộc thửa đất số 86 (cũ là thửa số 585B), số tờ bản đồ 14 (cũ tờ bản đồ số 12) diện tích tại **thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định**.

Do đó yêu cầu chia thừa kế của ông **Nguyễn Văn H** là có căn cứ theo quy định tại các Điều 609, 613, 623, 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[2.3] Về phân chia di sản thừa kế:

Di sản của cụ Đ1 để lại là 200m² đất ở và 180,25m² đất vườn tại thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định có giá trị tổng cộng 83.287.500 đồng (giá trị đất ở 60.000.000 đồng + giá trị đất vườn 186.300.000 đồng : 08 người) : 4 = 20.821.875 đồng/người.

Bản án sơ thẩm cho rằng tại thời điểm cân đối giao quyền sử dụng theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, vợ chồng ông K bà L và cụ Đ1 ở chung một nhà nên diện tích 200m² đất ở thuộc quyền sử dụng của cụ Đ1 và vợ chồng ông K bà L là không đúng vì Nghị định 64 của Chính phủ không điều chỉnh đối với diện tích 200m² đất ở và tại Biên bản xác minh ngày 19/01/2022 UBND xã T cung cấp: Ngày 03/11/1993 cụ Nguyễn Đ1 ký đơn “Đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất” trong đó có diện tích 1.410m² (loại đất: T) tại thửa đất số 585B, tờ bản đồ số 12, kê khai nguồn gốc đất là: Đất ở trước năm 1975. Từ đó, bản án sơ thẩm xác định di sản cụ Đ1 để lại có giá trị tổng cộng 43.287.500 đồng (giá trị đất ở 60.000.000 đồng : 3 + giá trị đất vườn 186.300.000 đồng : 08 người) = 10.821.875 đồng là không chính xác nên cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm cho phù hợp.

Ông Trịnh Văn H1, ông Trịnh Văn L4 (con của bà Nguyễn Thị Đ2); bà Nguyễn Thị Thúy V (vợ ông Trịnh Văn T10 đã chết, là dâu bà Nguyễn Thị Đ2); chị Trịnh Thị C1, anh Trịnh Văn K1, anh Trịnh Văn T3, chị Trịnh Thị T4, chị Trịnh Thị T5 (Con ông Trịnh Văn T10 đã chết, là cháu nội bà Nguyễn Thị Đ2) yêu cầu từ chối nhận thừa kế tài sản. Riêng bà Trịnh Thị Đ, ông Trịnh Văn T1, ông Trịnh Văn T2, bà Trịnh Thị S1, bà Trịnh Thị S2 (con bà Nguyễn Thị Đ2); anh Dương Chí T6, anh Dương Chí T7, chị Dương Thanh T8, anh Dương Chí T9 (con bà Trịnh Thị S3, là cháu ngoại bà Đ2) đều từ chối nhận thừa kế tài sản nhưng không ký biên bản làm việc. Do đó để bảo đảm quyền lợi cho những người này, kỷ phần thừa kế của bà Đ2 giao cho người đang quản lý di sản là ông Nguyễn K tiếp tục quản lý, sử dụng nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

Xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn H yêu cầu ông được nhận phần thừa kế của mình phần của bà Nguyễn Thị Đ2 và bà Nguyễn Thị M bằng hiện vật để ông có nơi ở và làm nơi thờ cúng cha mẹ. Tuy nhiên vợ chồng ông K bà L đã xây dựng nhà vào năm 1990 và căn cứ trích đo hiện trạng kèm theo biên bản xem xét, thẩm định, định giá tài sản ngày 29/11/2022 không thể chia hiện vật cho ông H. Mặt khác, ông H cũng đã có nhà ở ổn định.

Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của ông Nguyễn Văn H là không có căn cứ nên không được HĐXX chấp nhận.

[3] Về án phí.

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì H, ông K là người cao tuổi nên không phải chịu.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông K là người cao tuổi nên không phải chịu.

[4] Về chi phí tố tụng: Tòa án đã chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản 3.000.000 đồng, ông H đã nộp tạm ứng 3.000.000 đồng. Ông K nhận 02 phần (01 phần hưởng thừa kế, 01 phần công sức giữ gìn di sản) nên ông K chịu 02 phần đối với số tiền ông H đã chi phí định giá tài sản tranh chấp; ông K hoàn trả cho ông H 2.000.000 đồng.

[5] Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn và đề nghị của đại diện VKSND tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 620, 623, 649, 650, 651, 652, 660, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 166, 170, 171 và khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát T, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn K có nghĩa vụ giao cho ông Nguyễn Văn H số tiền 20.821.875 (Hai mươi triệu tám trăm hai mươi một nghìn tám trăm bảy mươi lăm) đồng về phần ông H được hưởng thừa kế tài sản cụ Nguyễn Đ1.

3. Ông Nguyễn K có nghĩa vụ quản lý phần hưởng thừa kế của bà Nguyễn Thị Đ2 số tiền 20.821.875 (Hai mươi triệu tám trăm hai mươi một nghìn tám trăm bảy mươi lăm) đồng để giải quyết cho những người được hưởng thừa kế thế vị bà Đ2.

Bà Trịnh Thị Đ, ông Trịnh Văn T1, ông Trịnh Văn T2, bà Trịnh Thị S1, bà Trịnh Thị S2 (con bà Nguyễn Thị Đ2); anh Dương Chí T6, anh Dương Chí T7, chị Dương Thanh T8, anh Dương Chí T9 (con bà Trịnh Thị S3, là cháu ngoại bà Đ2) với ông Nguyễn K tự thỏa thuận giải quyết kỹ phần thừa kế của bà Đ2 với số tiền 20.821.875 đồng nêu trên, nếu giải quyết không được thì Tòa án giải quyết khi có yêu cầu khởi kiện.

4. Miễn xét đối với những người sau, vì từ chối nhận thừa kế tài sản: Bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị T (con cụ Đ1); ông Trịnh Văn H1, ông Trịnh Văn L4 (con của bà Nguyễn Thị Đ2 đã chết. Bà Đ2 là con của cụ Đ1); bà Nguyễn Thị Thúy V (vợ ông Trịnh Văn T10 đã chết, là dâu bà Nguyễn Thị Đ2); chị Trịnh Thị C1, anh Trịnh Văn K1, anh Trịnh Văn T3, chị Trịnh Thị T4, chị Trịnh Thị T5 (con ông Trịnh Văn T10 đã chết, là cháu nội bà Nguyễn Thị Đ2).

5. Không chấp nhận yêu cầu của ông **Nguyễn Văn H** về việc được nhận 02 kỷ phần thừa kế của cụ **Nguyễn Đ1**, vì không phù hợp với pháp luật.

6. Diện tích 1.442m² đất (Trong đó: 200m² đất ở, đất vườn 1.242m²) tại số thửa 86, số tờ bản đồ 14 (Số cũ: diện tích 1.410m², số thửa 585^B, số tờ bản đồ 12) địa chỉ: **Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định**: Vợ chồng ông bà **Nguyễn K - Nguyễn Thị L** trọn quyền sử dụng diện tích đất ở và trọn quyền sở hữu tài sản có trên đất ở và đất vườn. Diện tích đất vườn thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông bà **Nguyễn K - Nguyễn Thị L** và các chị **Nguyễn Thị Thúy L1, Nguyễn Thị Kim L2, Nguyễn Thị Phong L3, Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Thị Bích S**.

Toàn bộ tài sản nêu trên hiện vợ chồng ông bà **Nguyễn K - Nguyễn Thị L** quản lý. Vợ chồng ông bà **K - L** và các chị **L1, L2, L3, C, S** tự thỏa thuận về sử dụng đối với diện tích đất vườn, nếu không thỏa thuận được thì Tòa án giải quyết khi có yêu cầu khởi kiện.

(Đất có sơ đồ kèm theo).

7. Về án phí:

7.1 Án phí dân sự sơ thẩm: Ông **Nguyễn Văn H** và ông **Nguyễn Văn K2** đều là người cao tuổi nên không phải chịu, hoàn trả lại cho ông **H** 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009300 ngày 04/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn.

7.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Ông **Nguyễn Văn H** không phải chịu.

8. Về chi phí tố tụng: Tòa án đã chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài 3.000.000 (Ba triệu) đồng, ông **H** đã nộp tạm ứng 3.000.000 (Ba triệu) đồng. Ông **K2** nhận 02 phần (01 phần hưởng thừa kế, 01 phần công sức giữ gìn di sản) nên ông **K2** chịu 02 phần đối với số tiền ông **H** đã chi phí định giá tài sản tranh chấp; Ông **K2** hoàn trả cho ông **H** 2.000.000 (Hai triệu) đồng.

9. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

9.1. Kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành án thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng không được vượt qua mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì được thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

9.2. Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

10. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện Tây Sơn;
- CCTHADS huyện Tây Sơn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Dân sự.

Thái Văn Hà